

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/11/2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thư.

Ông Đào Duy Chuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 269/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Ngọc A**, sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: **Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**

Bị đơn: Anh **Lê Trung H**, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: **Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2023, bản tự khai ngày 05/10/2023 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị **Trương Thị Ngọc A** thể hiện như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh **Lê Trung H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và **UBND xã H, huyện H** cấp đăng ký kết hôn năm 2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì anh **H** đi làm ăn xa thì thoảng mới về, do thời gian sống gần nhau quá ít, vợ chồng thường xuyên phải xa nhau dài ngày nên không xây dựng được tình cảm, khi về anh **H** cũng không quan tâm đến vợ con dẫn tới tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt và mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có

tiếng nói chung nên đã sống ly thân 1 năm nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày ngày trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con: Chị và anh Lê Trung H có hai con chung là Lê Phương L, sinh ngày 10/3/2004 và Lê Diệp C, sinh ngày 18/11/2007. Hiện nay cháu L đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Diệp C, nguyện vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Trương Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/10/2023, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Trung H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Ngọc A kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã H, huyện H cấp đăng ký kết hôn vào năm 2002. Trước và sau khi cưới anh làm ăn bên nước Lào, khi nào gia đình có việc vợ điện hoặc ngày giỗ, tết anh đều về. Hiện nay anh không còn làm ăn bên nước Lào nữa mà về nhà làm ăn để vun vén cuộc sống gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, anh không biết vì nguyên nhân gì mà chị Ngọc A làm đơn ly hôn anh, theo anh nghĩ việc chị Ngọc A làm đơn ly hôn là do chị Ngọc A làm ăn, vay mượn, anh không đồng ý nhưng vợ vẫn làm nên anh có nói dẫn tới vợ chồng bất đồng quan điểm chứ anh không chửi bới, đánh đập vợ con, không rượu chè, cờ bạc và vợ chồng anh chỉ mới mâu thuẫn gần đây chứ không phải 1 năm nay như chị Ngọc A trình bày. Nay chị Ngọc A làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đang còn nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nếu chị Ngọc A cương quyết ly hôn thì anh cũng không thể níu kéo được nữa mà đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con: Anh thống nhất anh và chị Ngọc A có hai con chung là Lê Phương L, sinh ngày 10/3/2004 và Lê Diệp C, sinh ngày 18/11/2007. Hiện nay cháu L đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Diệp C năm nay học lớp 11, nếu anh và chị Ngọc A ly hôn thì anh để cho con được quyền lựa chọn ở với bố hoặc mẹ anh đều đồng ý.

Về tài sản, công nợ: Hai bên tự thỏa thuận với nhau, anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu của chị Ngọc A, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, con chung giữa chị Ngọc A và anh Lê Trung H.

Biên bản xác minh tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 07/11/2023 tại thôn F và UBND xã H, huyện H: Chị Trương Thị Ngọc A và anh Lê Trung H có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/7/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn với nhau trong gia đình nhưng không báo cáo các đoàn thể và chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn nên không tổ chức hoà giải, khi chị Trương Thị Ngọc A làm đơn ly hôn cũng không gửi đơn đến UBND xã mà gửi trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện

Hoàng Hóa để giải quyết. Chị **Trương Thị Ngọc A** và anh **Lê Trung H** có hai con chung là **Lê Phương L**, sinh ngày 10/3/2004 và **Lê Diệp C**, sinh ngày 18/11/2007. Chị **Ngọc A** và anh **H** có tài sản là nhà và đất ở **thôn F, xã H, huyện H**.

Về sự có mặt của chị **Ngọc A** và anh **H** tại địa phương: Chị **Ngọc A** và anh **H** có hộ khẩu thường trú tại **thôn F, xã H, huyện H**. Trước đây anh **H** thường xuyên đi làm ăn xa, nay đã về và đang có mặt, sinh sống tại địa phương. Nay chị **Ngọc A** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **H**, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Trương Thị Ngọc A**, cho chị **Trương Thị Ngọc A** được ly hôn với anh **Lê Trung H**.

Về con: Giao cháu **Lê Diệp C** cho chị **Trương Thị Ngọc A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị **Trương Thị Ngọc A** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **Trương Thị Ngọc A** khởi kiện ly hôn anh **Lê Trung H** có hộ khẩu thường trú tại **thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trương Thị Ngọc A** và anh **Lê Trung H** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được **UBND xã H, huyện H** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2002, như vậy hôn nhân giữa chị **Ngọc A** và anh **H** là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **Ngọc A** và anh **H**: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, anh **H** thường xuyên đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng dần dần nhạt. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn

gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **H**.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị **Ngọc A** vẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm giữa chị với anh **H** thực sự không còn, anh **H** không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để vợ chồng hòa giải, mặc dù anh **H** không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian qua cũng không có biện pháp khắc phục được tình cảm vợ chồng. Tại các phiên hòa giải anh cũng đề nghị nếu chị **Ngọc A** cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Ngọc A** và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngọc A**, xử cho chị **Ngọc A** được ly hôn anh **H** là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Chị **Trương Thị Ngọc A1** và anh **Lê Trung H** thống nhất có hai con chung là **Lê Phương L**, sinh ngày 10/3/2004 và **Lê Diệp C**, sinh ngày 18/11/2007. Hiện nay cháu **L** đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị **Ngọc A1** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Lê Diệp C**, anh **H** cũng đồng ý để cháu được quyền lựa chọn ở với bố hoặc mẹ, cháu **Lê Diệp C** có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao cháu cho chị **Ngọc A1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **Ngọc A1** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị **Ngọc A1** và anh **H** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tố tụng: Trước khi mở phiên tòa anh **Lê Trung H** có đơn xin hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 27/11/2023 anh **H** có mặt nhưng không tham gia phiên tòa mà tự ý bỏ về nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và thông báo đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai vào ngày 30/11/2023. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho anh **H**. Tại phiên tòa anh **H** vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh **Lê Trung H**.

[7] Về án phí: Buộc chị **Trương Thị Ngọc A** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Trương Thị Ngọc A**.

Về hôn nhân: Chị **Trương Thị Ngọc A** được ly hôn anh **Lê Trung H**.

Về con: Chị **Trương Thị Ngọc A** và anh **Lê Trung H** có hai con chung là **Lê Phương L**, sinh ngày 10/3/2004 và **Lê Diệp C**, sinh ngày 18/11/2007. Hiện nay cháu **L** đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cho chị **Trương Thị Ngọc A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Lê Diệp C**. Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **Ngọc A** không yêu cầu. Anh **Lê Trung H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị **Ngọc A**.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị **Trương Thị Ngọc A** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **Ngọc A** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011681 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa (Chị **Ngọc A** đã thi hành xong).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị **Trương Thị Ngọc A** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **Lê Trung H** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoàng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Hóa;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga